

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4716/TC-TCS

V/v giới thiệu nội dung mới của Thông tư số
151/2014/TT-BTC

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2014

Kính gửi: Cục thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Ngày 10/10/2014 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 151/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế. Tổng cục Thuế đề nghị các Cục thuế phổ biến, thông báo cho cán bộ thuế và tuyên truyền tới người nộp thuế trên địa bàn quản lý các nội dung mới của Thông tư số 151/2014/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/11/2014 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014. Một số nội dung sửa đổi, bổ sung mới của Thông tư số 151/2014/TT-BTC như sau:

I - Về thuế thu nhập doanh nghiệp

Một số nội dung sửa đổi, bổ sung Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính về thuế TNDN như sau:

1. Bổ sung quy định doanh nghiệp được trích khấu hao vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập tính thuế TNDN toàn bộ giá trị đối với xe ô tô làm mẫu và lái thử cho kinh doanh ô tô có giá trị trên 1,6 tỷ đồng.

Trước: Doanh nghiệp không được tính vào chi phí được trừ phần trích khấu hao tương ứng với phần nguyên giá vượt trên 1,6 tỷ đồng/xe đối với ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống (trừ ô tô chuyên kinh doanh vận tải hành khách, du lịch và khách sạn).

2. Bổ sung quy định doanh nghiệp được tính vào chi phí được trừ đối với khoản chi có tính chất phúc lợi chi trực tiếp cho người lao động như: chi khám chữa bệnh, chi của bản thân và gia đình người lao động; chi nghỉ mát, chi hỗ trợ điều trị; chi hỗ trợ bổ sung kiến thức học tập tại cơ sở đào tạo; chi hỗ trợ gia đình người lao động bị ảnh hưởng bởi thiên tai, địch họa, tai nạn, ốm đau; chi khen thưởng con của người lao động có thành tích tốt trong học tập; chi hỗ trợ chi phí đi lại ngày lễ, tết cho người lao động và những khoản chi có tính chất phúc lợi khác. Tổng số chi có tính chất phúc lợi nêu trên không quá 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế của doanh nghiệp.

Việc xác định 01 tháng lương bình quân thực tế thực hiện trong năm tính thuế của doanh nghiệp được xác định bằng quỹ lương thực hiện trong năm chia (:) 12 tháng. Quỹ lương thực hiện trong năm được quy định tại tiết c, điểm 2.5, Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính.

Trước: Chưa có quy định này.

3. Bổ sung quy định không thu thuế TNDN đối với khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản đối với trường hợp cổ phần hóa, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước.

Trước: Trong giai đoạn 2012 – 2013, khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản theo quy định của pháp luật đối với trường hợp cổ phần hóa, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước được tính vào thu nhập khác khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN.

4. Tăng thời gian được miễn thuế đối với thu nhập từ thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, thu nhập từ bán sản phẩm thử nghiệm và thu nhập từ sản xuất sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên

áp dụng tại Việt Nam để khuyến khích doanh nghiệp đầu tư, phát triển sản phẩm khoa học công nghệ, cụ thể như sau:

“Thu nhập từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ được miễn thuế trong thời gian thực hiện hợp đồng nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày bắt đầu có doanh thu từ thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ;

Thu nhập từ bán sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng ở Việt Nam theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ được miễn thuế tối đa không quá 05 năm kể từ ngày có doanh thu từ bán sản phẩm;

Thu nhập từ bán sản phẩm sản xuất thử nghiệm trong thời gian sản xuất thử nghiệm theo quy định của pháp luật”.

Trước: Thời gian miễn thuế tối đa không quá 01 năm, kể từ ngày bắt đầu có doanh thu bán sản phẩm đối với tất cả các loại hình nêu trên.

5. Sửa đổi, bổ sung thu nhập được miễn thuế bao gồm”quỹ khác của Nhà nước hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quy định **hoặc quyết định** được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật”.

Trước: quy định”quỹ khác của Nhà nước hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, quỹ này được thành lập và có cơ chế chính sách hoạt động theo quy định của Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ”.

6. Bổ sung hướng dẫn xác định ưu đãi thuế đối với dự án phân kỳ đầu tư và dự án trang bị bổ sung máy móc thường xuyên, cụ thể như sau:

- Đối với dự án đầu tư được cấp phép đầu tư mà trong Hồ sơ đăng ký đầu tư lần đầu gửi cơ quan cấp phép đầu tư đã đăng ký số vốn đầu tư, phân kỳ đầu tư kèm tiến độ thực hiện đầu tư, trường hợp các giai đoạn tiếp theo thực tế có thực hiện được coi là dự án thành phần của dự án đầu tư đã được cấp phép lần đầu nếu thực hiện theo tiến độ (trừ trường hợp bất khả kháng, khó khăn do nguyên nhân khách quan trong khâu giải phóng mặt bằng, giải quyết thủ tục hành chính của cơ quan Nhà nước, do thiên tai, hỏa hoạn hoặc khó khăn, bất khả kháng khác) thì các dự án thành phần của dự án đầu tư lần đầu được hưởng ưu đãi thuế cho thời gian còn lại của dự án đầu tư lần đầu tính từ thời điểm dự án thành phần có thu nhập được hưởng ưu đãi.

Đối với dự án đầu tư được cấp phép đầu tư trước ngày 01/01/2014 mà có thực hiện phân kỳ đầu tư như trường hợp nêu trên thì dự án thành phần được hưởng ưu đãi thuế theo mức ưu đãi đang áp dụng đối với dự án đầu tư lần đầu cho thời gian ưu đãi còn lại tính từ ngày 01/01/2014.

Thu nhập của các dự án thành phần của dự án đầu tư lần đầu trước ngày 01/01/2014 đã được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật trước ngày 01/01/2014 thì không thực hiện điều chỉnh lại các ưu đãi thuế đã được hưởng trước ngày 01/01/2014.

Trong thời gian triển khai các dự án thành phần theo từng giai đoạn nêu trên nếu nhà đầu tư được cơ quan quản lý Nhà nước về đầu tư (quy định tại Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29/11/2005 và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành) cho phép gia hạn thực hiện dự án và doanh nghiệp thực hiện theo đúng thời hạn đã được gia hạn thì cũng được hưởng ưu đãi thuế theo quy định nêu trên”.

- Dự án đầu tư của doanh nghiệp đang được hưởng ưu đãi thuế mà giai đoạn 2009 - 2013 có đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị thường xuyên trong quá trình sản xuất, kinh doanh không thuộc dự án đầu tư mới và dự án đầu tư mở rộng thì phần thu nhập tăng thêm do việc đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị thường xuyên này cũng được hưởng ưu đãi thuế theo mức mà dự án đang áp dụng cho thời gian còn lại tính từ kỳ tính thuế năm 2014.

Dự án đầu tư mới được thực hiện theo hướng dẫn tại điểm a Khoản 5 Điều 18 Thông tư số 78/2014/TT-BTC.

Dự án đầu tư mở rộng được thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 16 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP.

Trước: Chưa hướng dẫn cụ thể về phân kỳ đầu tư, dự án thành phần cũng như chưa có hướng dẫn cụ thể về đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị thường xuyên trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

7. Sửa đổi, bổ sung thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại Khu công nghiệp được hưởng ưu đãi thuế bao gồm cả các quận của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I trực thuộc trung ương và các đô thị loại I trực thuộc tỉnh mới được thành lập từ huyện kể từ ngày 01/01/2009.

Trước: Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại Khu công nghiệp tại các quận của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I trực thuộc trung ương và các đô thị loại I trực thuộc tỉnh mới được thành lập từ huyện kể từ ngày 01/01/2009 thuộc địa bàn có điều kiện - kinh tế xã hội thuận lợi và không được hưởng ưu đãi thuế TNDN.

8. Về chuyển tiếp ưu đãi thuế TNDN đối với doanh nghiệp dệt may bị ngừng ưu đãi thuế theo cam kết WTO do được hưởng ưu đãi thuế theo điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu và chuyển sang điều kiện ưu đãi khác thực tế doanh nghiệp đáp ứng.

Cho phép các doanh nghiệp dệt may bị ngừng ưu đãi thuế do thực hiện cam kết WTO thì được lựa chọn kết hợp không đồng thời, không đồng bộ ưu đãi về thuế suất và thời gian miễn, giảm thuế để tiếp tục được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp cho thời gian còn lại kể từ năm 2007 tương ứng với các điều kiện ưu đãi thuế mà thực tế doanh nghiệp đáp ứng (ngoài điều kiện ưu đãi do đáp ứng điều kiện về tỷ lệ xuất khẩu) quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp có hiệu lực trong thời gian từ ngày doanh nghiệp được cấp Giấy phép thành lập đến trước ngày Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/2/2007 của Chính phủ có hiệu lực thi hành hoặc theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế TNDN tại thời điểm bị điều chỉnh ưu đãi thuế do thực hiện cam kết WTO.

Trường hợp doanh nghiệp đã lựa chọn phương án chuyển đổi theo văn bản trước đây (không phân biệt trường hợp doanh nghiệp đã hoặc chưa được kiểm tra, thanh tra thuế), nếu thực hiện chuyển đổi theo hướng dẫn tại Thông tư này có lợi hơn thì doanh nghiệp được phép lựa chọn chuyển đổi lại theo hướng dẫn tại Thông tư này. Doanh nghiệp thực hiện khai điều chỉnh, bổ sung theo quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành về quản lý thuế và không bị xử lý vi phạm pháp luật về thuế đối với hành vi khai sai do điều chỉnh lại. Trường hợp sau khi khai điều chỉnh, bổ sung doanh nghiệp có số tiền thuế đã nộp lớn hơn số thuế phải nộp thì được bù trừ với số thuế phải nộp của kỳ thuế tiếp theo hoặc được hoàn lại số đã nộp thừa theo quy định. Trường hợp doanh nghiệp đã thực hiện điều chỉnh theo cam kết WTO đối với hoạt động dệt may theo các văn bản trước đây nếu bị xử lý vi phạm pháp luật về thuế, tính tiền chậm nộp và doanh nghiệp đã thực hiện nộp tiền phạt và tiền chậm nộp thì không thực hiện điều chỉnh lại.

Trước: Doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dệt may bị chấm dứt ưu đãi theo cam kết WTO do đáp ứng tỷ lệ xuất khẩu lựa chọn phương án để tiếp tục được ưu đãi thuế và thông báo với cơ quan thuế theo một trong hai phương án (theo hướng dẫn tại công văn số 2348/BTC-TCT ngày 3/3/2009 của Bộ Tài chính).

II - Về thuế giá trị gia tăng

1. Bổ sung đối tượng không chịu thuế đối với trường hợp bên đi vay vốn tự bán tài sản bảo đảm theo ủy quyền của bên cho vay để trả nợ khoản vay có bảo đảm thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT và phải đáp ứng điều kiện:

- Tài sản đảm bảo tiền vay được bán là tài sản thuộc giao dịch bảo đảm đã được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đăng ký giao dịch bảo đảm.

- Việc xử lý tài sản đảm bảo tiền vay thực hiện theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm.

Trước: Bên đi vay vốn tự bán tài sản bảo đảm theo ủy quyền của bên cho vay thì phải kê khai, nộp thuế GTGT nếu tài sản đảm bảo bán thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.

2. Bổ sung quy định khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định là ô tô dùng để làm mẫu và lái thử cho kinh doanh ô tô được khấu trừ toàn bộ (không bị khống chế nguyên giá theo mức 1,6 tỷ đồng).

Trước: Doanh nghiệp không khấu trừ thuế GTGT đầu vào tương ứng với phần giá trị vượt trên 1,6 tỷ đồng/xe đối với ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống (trừ ô tô chuyên kinh doanh vận tải hành khách, du lịch và khách sạn).

3. Sửa đổi, bổ sung về việc khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với hàng hóa, dịch vụ mua trả chậm, trả góp có giá trị hàng hóa, dịch vụ mua từ hai mươi triệu đồng trở lên, cơ sở kinh doanh căn cứ vào hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ bằng văn bản, hóa đơn giá trị gia tăng và chứng từ thanh toán qua ngân hàng của hàng hóa, dịch vụ mua trả chậm, trả góp để kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. *Trường hợp chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng do chưa đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng thì cơ sở kinh doanh vẫn được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào.*

Trường hợp khi thanh toán, cơ sở kinh doanh không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh giảm số thuế GTGT đã được khấu trừ đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng vào kỳ tính thuế phát sinh việc thanh toán bằng tiền mặt (kể cả trong trường hợp cơ quan thuế và các cơ quan chức năng đã có quyết định thanh tra, kiểm tra kỳ tính thuế có phát sinh thuế GTGT đã kê khai, khấu trừ).

Trước:

Đối với trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ trả chậm, trả góp nếu chưa đến hạn thanh toán, cơ sở kinh doanh vẫn được kê khai khấu trừ, tuy nhiên đến ngày 31/12 hàng năm, cơ sở kinh doanh phải rà soát tất cả các hợp đồng mua trả chậm, trả góp trong năm để khai điều chỉnh giảm trong trường hợp chưa có chứng từ thanh toán qua ngân hàng.

III - Về thuế thu nhập cá nhân

1. Về khoản lợi ích về nhà ở cho người lao động:

Khoản lợi ích về nhà ở do người sử dụng lao động xây dựng, cung cấp miễn phí cho người lao động làm việc tại khu công nghiệp; nhà ở do người sử dụng lao động xây dựng tại khu kinh tế, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn cung cấp miễn phí cho người lao động được trừ khỏi thu nhập chịu thuế TNCN.

Trước: khoản lợi ích về tiền nhà ở, điện, nước và các dịch vụ kèm theo (nếu có) do người sử dụng lao động trả mà người nộp thuế được hưởng phải tính vào thu nhập chịu thuế TNCN.

2. Về các trường hợp không phải quyết toán thuế:

Thông tư số 151/2014/TT-BTC sửa đổi nội dung hướng dẫn cá nhân, hộ kinh doanh có thu nhập từ kinh doanh đã thực hiện nộp thuế theo phương pháp khoán thì không phải quyết toán thuế đối với phần thu nhập này. Đồng thời Thông tư bổ sung trường hợp cá nhân là đại lý bảo hiểm, đại lý xổ số, bán hàng đa cấp được tổ chức trả thu nhập khấu trừ thuế TNCN thì không phải quyết toán thuế đối với phần thu nhập này.

Trước: Chỉ cá nhân, hộ kinh doanh có duy nhất một nguồn thu nhập từ kinh doanh đã thực hiện nộp thuế theo phương pháp khoán thì mới không phải quyết toán thuế TNCN. Trường hợp cá nhân vừa có thu nhập từ kinh doanh theo phương pháp khoán vừa có thu nhập từ tiền lương, tiền công, thu nhập từ kinh doanh theo phương pháp kê khai thì vẫn phải tổng hợp thu nhập và quyết toán thuế theo quy định.

3. Về chuyển nhượng bất động sản

Bổ sung hướng dẫn về thuế TNCN đối với trường hợp người sử dụng bất động sản do nhận chuyển nhượng trước ngày 01 tháng 7 năm 1994, nếu từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền chấp thuận thì không thu thuế thu nhập cá nhân.

Trước: chưa có hướng dẫn về thuế TNCN đối với trường hợp này.

IV - Về quản lý thuế

1. Về thông báo tạm ngừng kinh doanh

Người nộp thuế chỉ phải thông báo với một cơ quan nhà nước (cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan thuế) tùy theo từng trường hợp, cụ thể:

- Đối với người nộp thuế thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh tại cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản về việc tạm ngừng kinh doanh hoặc hoạt động kinh doanh trở lại với cơ quan đăng ký kinh doanh nơi người nộp thuế đã đăng ký theo quy định.

Trong trường hợp này, tại thông tư cũng quy định cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế có trách nhiệm phối hợp, trao đổi thông tin do người nộp thuế đã thông báo.

- Đối với người nộp thuế thuộc đối tượng đăng ký cấp mã số thuế trực tiếp tại cơ quan thuế thì trước khi tạm ngừng kinh doanh, người nộp thuế phải có thông báo bằng văn bản gửi cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi tạm ngừng kinh doanh.

Trước: Người nộp thuế là doanh nghiệp, hộ kinh doanh khi tạm ngừng kinh doanh và hoạt động kinh doanh trở lại phải thông báo bằng văn bản cho cả cơ quan đăng ký kinh doanh nơi doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã đăng ký và cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

2. Về việc khai thuế GTGT theo quý:

- Sửa đổi, bổ sung quy định: Người nộp thuế giá trị gia tăng có tổng doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề từ **50 tỷ đồng trở xuống** thì thực hiện khai thuế GTGT theo quý và thời điểm kê khai theo quý áp dụng từ kỳ khai thuế GTGT quý IV năm 2014 (tháng 10, 11, 12 năm 2014).

- Bổ sung Mẫu số 07/GTGT - Thông báo chuyển đổi kỳ khai thuế GTGT từ Quý sang Tháng

Trước:

- Người nộp thuế giá trị gia tăng có tổng doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề từ **20 tỷ đồng trở xuống** thì thực hiện khai thuế GTGT theo quý.

- Không có mẫu Thông báo chuyển đổi kỳ khai thuế GTGT từ Quý sang Tháng.

3. Bổ sung một số trường hợp doanh nghiệp không phải khai quyết toán thuế và cơ quan thuế không phải thực hiện kiểm tra quyết toán thuế, cụ thể:

3.1. Trường hợp doanh nghiệp có chuyển đổi loại hình doanh nghiệp mà bên tiếp nhận kế thừa toàn bộ nghĩa vụ về thuế của doanh nghiệp trước chuyển đổi (như chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần hoặc ngược lại; chuyển đổi Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật) thì không phải khai quyết toán thuế đến thời điểm có quyết định về việc chuyển đổi, doanh nghiệp chỉ khai quyết toán thuế năm theo quy định.

3.2. Các trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động cơ quan thuế không phải thực hiện kiểm tra quyết toán thuế:

a) Doanh nghiệp, tổ chức thuộc diện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa dịch vụ theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện giải thể, chấm dứt hoạt động.

b) Doanh nghiệp giải thể, chấm dứt hoạt động nhưng kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến thời điểm giải thể, chấm dứt hoạt động, doanh nghiệp không phát sinh doanh thu, chưa sử dụng hóa đơn.

c) Doanh nghiệp thuộc diện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo kê khai thực hiện giải thể, chấm dứt hoạt động, nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Có doanh thu bình quân năm (tính từ năm chưa được quyết toán hoặc thanh tra, kiểm tra thuế đến thời điểm doanh nghiệp giải thể, chấm dứt hoạt động) không quá 1 tỷ đồng/năm.

- Kể từ năm doanh nghiệp chưa được quyết toán hoặc thanh tra, kiểm tra thuế đến thời điểm giải thể, chấm dứt hoạt động doanh nghiệp không bị xử phạt vi phạm pháp luật về hành vi trốn thuế.

- Số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp tính từ năm chưa được quyết toán hoặc thanh tra, kiểm tra thuế đến thời điểm giải thể, chấm dứt hoạt động cao hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp nếu tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ.

Đối với các trường hợp nêu tại tiết a, b, c điểm này, chậm nhất năm ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ do người nộp thuế gửi (bao gồm quyết định giải thể, chấm dứt hoạt động; các tài liệu chứng minh người nộp thuế thuộc các trường hợp nêu trên và đã nộp đủ số thuế phải nộp) thì cơ quan thuế xác nhận việc doanh nghiệp đã hoàn thành nghĩa vụ thuế.

Trước: Chưa có các quy định này.

4. Bộ quy định doanh nghiệp phải khai thuế Thu nhập doanh nghiệp tạm tính hàng quý. Doanh nghiệp thực hiện tạm nộp hàng quý và quyết toán thuế TNDN theo năm.

Cụ thể, tại Thông tư sửa đổi các quy định về khai thuế thu nhập doanh nghiệp của các doanh nghiệp (tại Điều 16) và của các cơ sở sản xuất thủy điện (tại Điều 20) cho phù hợp với quy định không còn kê khai tạm tính hàng quý.

Đồng thời, bổ sung quy định về việc xác định số thuế TNDN tạm nộp hàng quý, tính tiền chậm nộp đối với phần chênh lệch từ 20% trở lên giữa số thuế tạm nộp với số thuế phải nộp theo quyết toán (tại Điều 17).

Trước: Doanh nghiệp phải nộp tờ khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính hàng quý và thực hiện tạm nộp thuế TNDN hàng quý theo kê khai. Cuối năm, doanh nghiệp kê khai quyết toán thuế TNDN năm, trường hợp số thuế đã tạm nộp thấp hơn số thuế phải nộp theo quyết toán thì doanh nghiệp nộp bổ sung số thuế TNDN chênh lệch mà không phải tính tiền chậm nộp đối với phần chênh lệch từ 20% trở lên giữa số thuế tạm nộp với số thuế phải nộp theo quyết toán.

5. Bổ sung quy định về cơ chế cơ quan thuế đặt hàng và sử dụng kết quả của các công ty kiểm toán độc lập, tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế để thực hiện kiểm tra quyết toán thuế của doanh nghiệp giải thể, chấm dứt hoạt động. Trong đó quy định cụ thể về quyền và trách nhiệm của công ty kiểm toán độc lập, tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế; Quyền và trách nhiệm của cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế. Đồng thời quy định Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế ban hành quy chế hướng dẫn cơ quan thuế các cấp thực hiện thống nhất việc sử dụng kinh phí và nguồn kinh phí chi trả cho công ty kiểm toán độc lập, tổ chức kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế theo các hợp đồng dịch vụ để kiểm tra quyết toán thuế của doanh nghiệp giải thể, chấm dứt hoạt động.

Trước: Chưa có các quy định này

6. Về đơn giản thủ tục quyết toán thuế TNCN trong trường hợp doanh nghiệp giải thể, chấm dứt hoạt động.

Để đơn giản thủ tục hành chính, Thông tư số 151/2014/TT-BTC hướng dẫn trường hợp tổ chức, cá nhân trả thu nhập giải thể, chấm dứt hoạt động có phát sinh trả thu nhập nhưng không phát sinh khấu trừ thuế thu nhập cá nhân thì tổ chức, cá nhân trả thu nhập không thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân, chỉ cung cấp cho cơ quan thuế danh sách cá nhân đã chi trả thu nhập trong năm (nếu có) theo Mẫu 25/DS-TNCN ban hành kèm theo Thông tư 151/2014/TT-BTC chậm nhất là ngày thứ 45 (bốn mươi lăm) kể từ ngày có quyết định về việc giải thể, chấm dứt hoạt động.

Trước: Tổ chức, cá nhân trả thu nhập giải thể, chấm dứt hoạt động phải khai quyết toán thuế TNCN.

7. Về gia hạn nộp thuế

7.1. Bổ sung các trường hợp được coi là tai nạn bất ngờ, khó khăn đặc biệt khác, cụ thể:

- Những trường hợp được coi là tai nạn bất ngờ bao gồm: tai nạn giao thông; tai nạn lao động; mắc bệnh hiểm nghèo; bị dịch bệnh truyền nhiễm vào thời gian và tại những vùng mà cơ quan có thẩm quyền đã công bố có dịch bệnh truyền nhiễm; các trường hợp bất khả kháng khác.

- Khó khăn đặc biệt khác bao gồm: ngành nghề kinh doanh chính mà người nộp thuế đang hoạt động bị cấm hoặc bị ngừng, tạm thời ngừng kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (không bao gồm trường hợp bị cấm hoặc ngừng, tạm thời ngừng kinh doanh do vi phạm pháp luật); đối tác hủy hoặc không thanh toán đúng hạn theo hợp đồng đã ký kết làm kết quả sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế bị lỗ do đối tác thuộc một trong các trường hợp: phá sản, người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc chủ hộ kinh doanh bị đột tử, người quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc chủ hộ kinh doanh bị mất tích.

Trước: tại Thông tư 156/2013/TT-BTC chỉ quy định chung về tai nạn bất ngờ, không hướng dẫn khó khăn đặc biệt khác dẫn đến gặp vướng mắc khi xác định các trường hợp được coi là tai nạn bất ngờ, khó khăn đặc biệt khác khi giải quyết gia hạn nộp thuế cho người nộp thuế.

7.2. Sửa đổi thời gian gia hạn đối với trường hợp chưa được thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản đã được ghi trong dự toán ngân sách nhà nước là 02 năm

Trước: tại Thông tư 156/2013/TT-BTC thời gian gia hạn nộp thuế đối với trường hợp này là 01 năm

Ngoài ra, Thông tư 151/2014/TT-BTC quy định khoản tiền thuế nợ đã được cơ quan thuế ban hành quyết định gia hạn với thời hạn 01 năm theo quy định tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC, nếu hết thời gian gia hạn người nộp thuế chưa được ngân sách nhà nước thanh toán và khoản tiền thuế nợ vẫn trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế đến ngày đề nghị gia hạn thì tiếp tục được xem xét gia hạn, trong đó: thời gian được gia hạn tiếp không quá 01 năm; thủ tục gia hạn được đơn giản hóa, người nộp thuế chỉ cần gửi văn bản đề nghị gia hạn nộp thuế và văn bản xác nhận của chủ đầu tư về số vốn chủ đầu tư chưa thanh toán cho người nộp thuế tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.

V - Tổ chức thực hiện

1. Thông tư số 151/2014/TT-BTC có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2014. Riêng quy định tại Chương I Thông tư áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014.

2. Tạm thời chưa thực hiện truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp (bao gồm cả trường hợp đã ban hành Quyết định xử lý truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp đang trong thời gian xử lý khiếu nại) đối với các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường nhưng chưa đáp ứng theo Danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục – đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường do Thủ tướng Chính phủ quy định cho đến khi có hướng dẫn mới của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

3. Thay thế cụm từ và các biểu mẫu sau:

3.1. Thay thế cụm từ "Khu công nghiệp nằm trên địa bàn các quận nội thành của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I trực thuộc trung ương và khu công nghiệp nằm trên địa bàn các đô thị loại I trực thuộc tỉnh" tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC bằng cụm từ "Khu công nghiệp nằm trên địa bàn các quận nội thành của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I trực thuộc trung ương và các đô thị loại I trực thuộc tỉnh, không bao gồm các quận của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I trực thuộc trung ương và các đô thị loại I trực thuộc tỉnh mới được thành lập từ huyện kể từ ngày 01/01/2009".

3.2. Thay thế các mẫu biểu 02/TNDN, 03/TNDN, 03-5/TNDN, 04/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC bằng các mẫu biểu mới tương ứng ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC.

Trên đây là một số nội dung mới được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 151/2014/TT-BTC. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các Cục thuế kịp thời phản ánh về Tổng cục Thuế để được giải quyết kịp thời./.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Tổng cục (để b/c);
- Vụ CST, PC, CĐKT, Cục TCDN - BTC;
- Các Vụ, đơn vị thuộc TCT;
- Lưu: VT, CS (3).

Cao Anh Tuấn